

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

- Kinh phí công đoàn
  - Bảo hiểm xã hội
  - Phải trả, phải nộp khác
- Cộng**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
	15.000.000	-
	88.214.476	56.946.969
	5.000.000	10.000.000
	<b>108.214.476</b>	<b>66.946.969</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**  
 Địa chỉ: Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP.Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**12 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng Cộng
Số dư đầu năm trước	25.000.000.000	-	-	-	-	(430.847.429)	24.569.152.571
Tăng vốn năm trước	100.000.000.000					100.000.000.000	100.000.000.000
Lãi trong năm trước						5.858.160.810	5.858.160.810
Tăng khác						-	-
Giảm vốn trong năm trước						-	-
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.427.313.381</b>	<b>130.427.313.381</b>
Tăng vốn trong kỳ							
Lãi trong kỳ						6.181.676.834	6.181.676.834
Tăng khác				878.724.121			878.724.121
Giảm vốn trong kỳ							
Lỗ trong kỳ							
Giảm khác						1.171.632.161	1.171.632.161
- Trích lập các quỹ						1.171.632.161	1.171.632.161
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>125.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>878.724.121</b>	<b>-</b>	<b>10.437.358.054</b>	<b>136.316.082.175</b>



b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của Nhà nước			-
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	125.000.000.000	125.000.000.000
<b>Cộng</b>		<u>125.000.000.000</u>	<u>125.000.000.000</u>
<b>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>			
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn góp đầu kỳ		125.000.000.000	25.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		-	100.000.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ			
- Vốn góp cuối kỳ		125.000.000.000	125.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia			
<b>d) Cổ phiếu</b>			
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông		12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
- Cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu phổ thông		12.500.000	12.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu bình quân trong kỳ		12.500.000	7.135.858
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu			
<b>đ) Cổ tức</b>			
e) Các quỹ của doanh nghiệp			
- Quỹ đầu tư phát triển		878.724.121	-
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
<b>g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế</b>			

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh**

<b>1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	41.575.217.118	23.962.778.394
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
<b>Cộng</b>	<u>41.575.217.118</u>	<u>23.962.778.394</u>
<b>3 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng đã bán	36.374.107.403	19.458.286.618
<b>Cộng</b>	<u>36.374.107.403</u>	<u>19.458.286.618</u>
<b>4 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, cho vay	5.037.646.734	215.006
<b>Cộng</b>	<u>5.037.646.734</u>	<u>215.006</u>



**5 . THU NHẬP KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản khác	-	145.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>145.000</b>

**6 . CHI PHÍ KHÁC**

	Kỳ này	Kỳ trước
Các khoản khác	10.367.597	-
<b>Cộng</b>	<b>10.367.597</b>	<b>-</b>

**7 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.936.471.304	14.817.122.405
Chi phí nhân công	1.965.208.614	1.903.851.307
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.021.829.583	322.688.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.841.810.579	5.851.597.820
Chi phí bằng tiền khác	4.504.697.974	663.175.939
<b>Cộng</b>	<b>42.270.018.054</b>	<b>23.558.436.461</b>

**8 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.925.226.710	3.838.725.771
Tổng thu nhập chịu thuế	7.925.226.710	3.838.725.771
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.743.549.876</b>	<b>844.519.670</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Diêm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

**3. BÁO CÁO BỘ PHẬN****3.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của công ty như sau:

Kỳ này

Đơn vị tính : VND

CHỈ TIÊU	Hạt nhựa	Bao bì	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.002.869.181	12.899.881.626	11.637.585.311	41.540.336.118
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>17.002.869.181</b>	<b>12.899.881.626</b>	<b>11.637.585.311</b>	<b>41.540.336.118</b>
<b>Giá vốn</b>	<b>15.726.939.982</b>	<b>11.257.562.730</b>	<b>9.389.604.691</b>	<b>36.374.107.403</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.275.929.199	1.642.318.896	2.247.980.620	5.166.228.715
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				1.866.034.153
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				3.300.194.562
Doanh thu hoạt động tài chính				5.037.646.734
Chi phí tài chính				402.246.989
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				10.367.597
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp				1.743.549.876
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				<b>6.181.676.834</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				<b>5.192.226.727</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				<b>1.021.829.583</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Diêm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Kỳ trước

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Hạt nhựa	Bao bì	Khác	TỔNG CỘNG
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	8.816.749.087	2.717.721.490	12.428.307.817	23.962.778.394
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	8.816.749.087	2.717.721.490	12.428.307.817	23.962.778.394
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.786.532.496</b>	<b>2.922.204.898</b>	<b>7.749.549.178</b>	<b>19.458.286.572</b>
<b>Giá vốn</b>	<b>30.216.591</b>	<b>(204.483.408)</b>	<b>4.678.758.639</b>	<b>4.504.491.822</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ				631.987.945
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				3.872.503.877
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				215.006
Doanh thu hoạt động tài chính				34.138.066
Chi phí tài chính				145.000
Thu nhập khác				-
Chi phí khác				844.519.670
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				844.519.670
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				2.994.206.147
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>				-
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>				600.952.466
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>				-
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>				-



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Địa chỉ: Thôn Diêm Tống, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CHỈ TIÊU		Đơn vị tính: VND			
	Hạt nhựa	Bao bì	Khác	Tổng cộng	
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	19.006.564.779	14.420.062.470	13.009.011.404	46.435.638.653	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				117.030.494.356	
<b>Tổng tài sản</b>				<b>163.466.133.009</b>	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.191.248.418	3.938.540.571	3.553.141.278	12.682.930.267	
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				14.467.120.567	
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>27.150.050.834</b>	
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	15.783.948.977	4.865.328.128	22.249.445.291	42.898.722.397	
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				109.344.849.232	
<b>Tổng tài sản</b>				<b>152.243.571.629</b>	
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	5.348.157.266	1.648.544.355	7.538.894.903	14.535.596.524	
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				7.280.661.724	
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>21.816.258.248</b>	



#### 4. Công cụ tài chính

##### 4.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

##### Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

##### 4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

##### Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	1.006.590.380	3.200.390.713
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác		
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.025.206.817	32.442.851.462
<b>Cộng</b>	<b>32.031.797.197</b>	<b>35.643.242.175</b>

##### 4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

##### 4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

##### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

##### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

##### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.



**4.5 Giá trị hợp lý**

**- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
<b>Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:</b>					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	6.867.689.867	6.867.689.867	5.195.883.677	5.195.883.677	
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.025.206.817	(*)	32.442.851.462	(*)	
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)	-	(*)	
<b>Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:</b>					
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	45.000.000.000	(*)	45.000.000.000	(*)	
<b>Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:</b>					
- Vay ngắn hạn	(8.451.349.000)	(8.451.349.000)	(5.500.000.000)	(5.500.000.000)	
- Phải trả người bán và phải trả khác	(12.682.930.267)	(12.682.930.267)	(14.535.596.524)	(14.535.596.524)	
- Vay dài hạn	-	-	-	-	
<b>Cộng</b>	<b>61.758.617.417</b>	<b>(*)</b>	<b>62.603.138.615</b>	<b>(*)</b>	

(\*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh.

**- Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

*Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.



**5. Thông tin về các bên liên quan**

a). Trong kỳ có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị</i>
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	Công ty liên kết	Bán hàng	6.671.500.000
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng	1.848.300.000

b). Số dư công nợ phải thu, phải trả, cho vay với các bên liên quan tại 30/06/2015:

<i>Phải trả người bán</i>	<i>Số cuối kỳ</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	1.480.564.690	617.364.690
<i>Phải thu khách hàng</i>		
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	2.827.000.000	1.850.000.000

**6. Số liệu so sánh**

Các chỉ tiêu thay đổi do phân loại lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính như sau:

**1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số theo Thông tư 200/2014/TT-BTC</b>	<b>Số đầu năm trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015</b>	<b>Số cuối năm trên báo cáo tài chính năm 2014</b>
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	43.996.799.063	38.196.970.144
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	23.997.600	5.799.828.919
<b>B. Tài sản dài hạn</b>			
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-
II. Tài sản cố định	220		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		
VI. Tài sản dài hạn khác	260		

Năm 2015 là năm đầu tiên Công ty thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, số liệu so sánh là Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2014 chưa được soát xét.

**7. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**8. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Minh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hương Thảo

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2015

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Mai Hương